



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Fax: +84.28 6298 3490
Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

BẢN TIN SỐ 1513

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(TỪ NGÀY 08/07/2025 ĐẾN NGÀY 14/07/2025)

AI THI TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

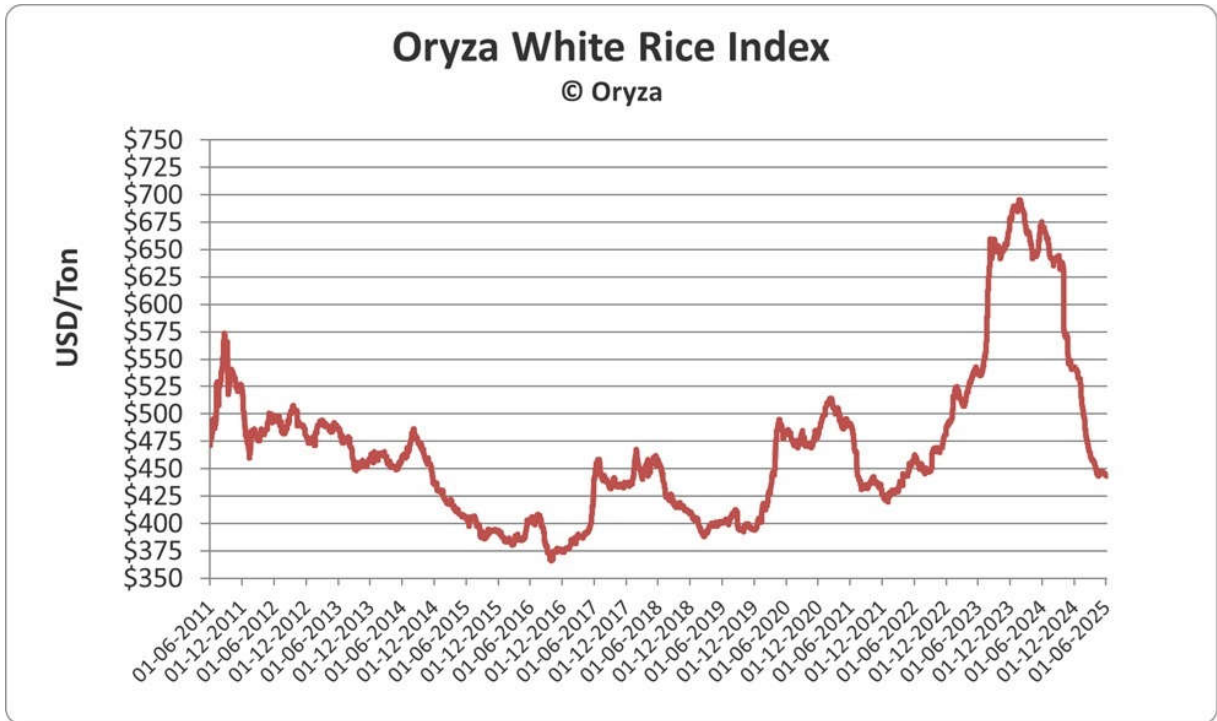
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	08 – 07		09 – 07		10 – 07		11 – 07	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	388	392	388	392	388	392	388	392
	5% tấm	378	382	378	382	378	382	378	382
	25% tấm	366	370	366	370	366	370	366	370
	Hom Mali 92%	1052	1056	1052	1056	1052	1056	1052	1056
	Gạo đỏ 100% Stxd	386	390	386	390	386	390	386	390
	A1 Super	354	358	354	358	354	358	354	358
VIỆT NAM	5% tấm	381	385	381	385	381	385	381	385
	25% tấm	357	361	357	361	357	361	357	361
	Jasmine	555	559	555	559	555	559	555	559
	100% tấm	317	321	317	321	317	321	317	321
ẤN ĐỘ	5% tấm	377	381	377	381	377	381	377	381
	25% tấm	364	368	364	368	364	368	364	368
	Gạo đỏ 5% Stxd	372	376	372	376	372	376	372	376
	100% tấm Stxd	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
PAKISTAN	5% tấm	389	393	389	393	389	393	389	393
	25% tấm	353	357	353	357	353	357	353	357
	100% tấm Stxd	321	325	321	325	321	325	321	325
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	372	376	372	376	372	376	372	376
MỸ	4% tấm	656	660	656	660	656	660	656	660
	15% tấm (Sacked)	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
	Gạo đỏ 4% tấm	777	781	777	781	777	781	777	781
	Calrose 4%	785	789	785	789	785	789	785	789

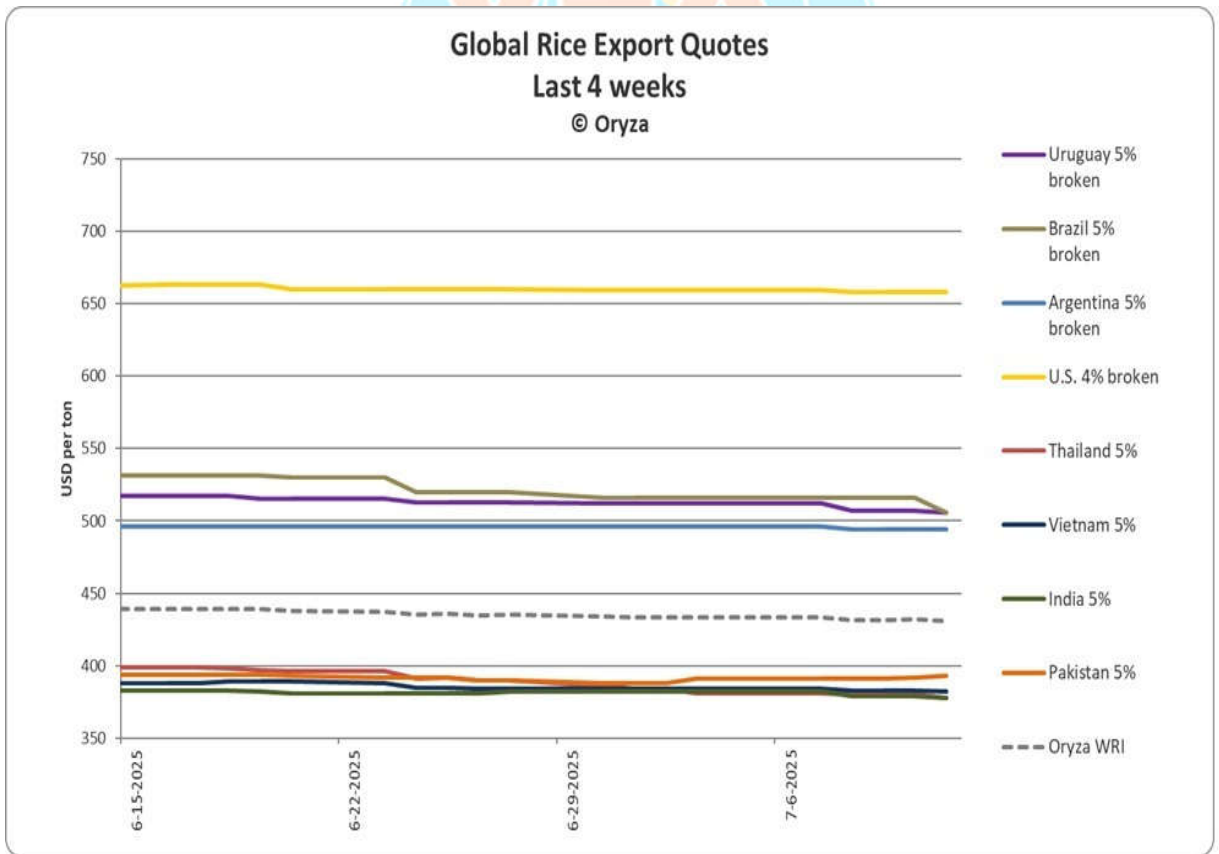
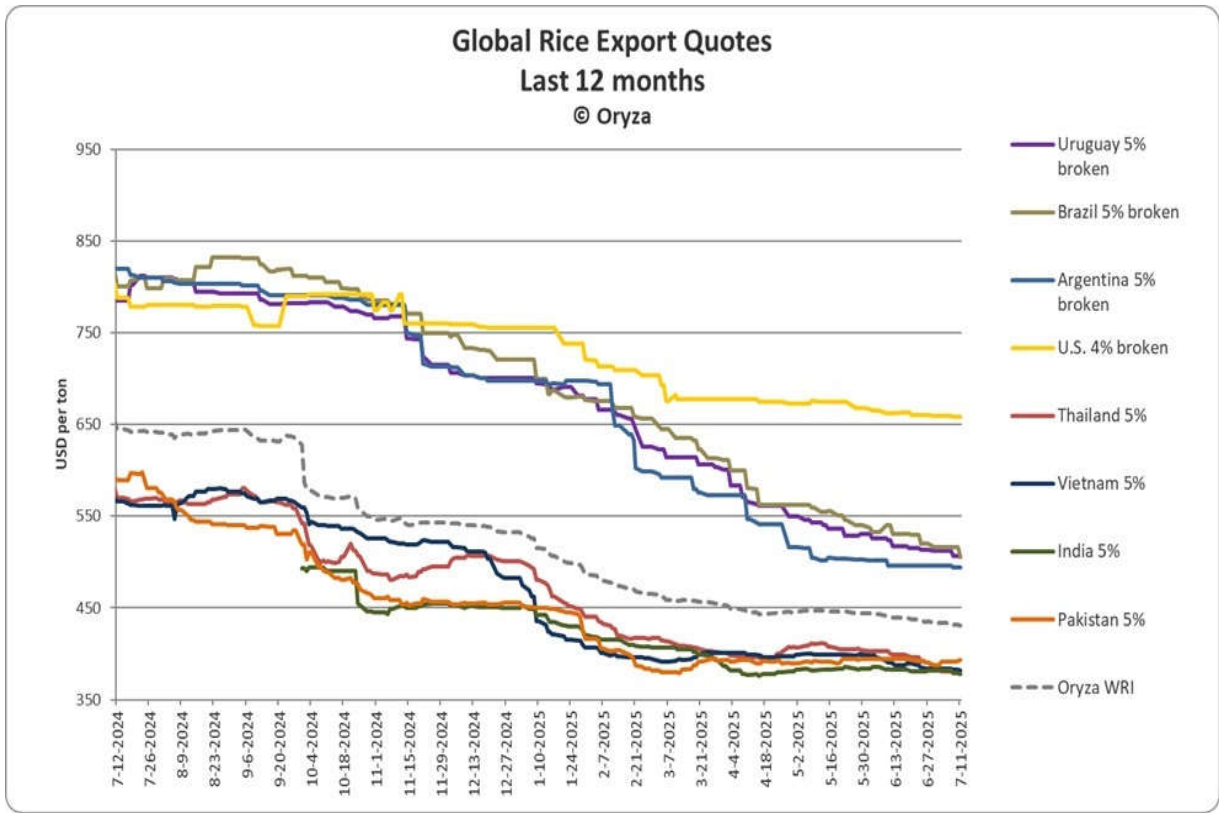
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

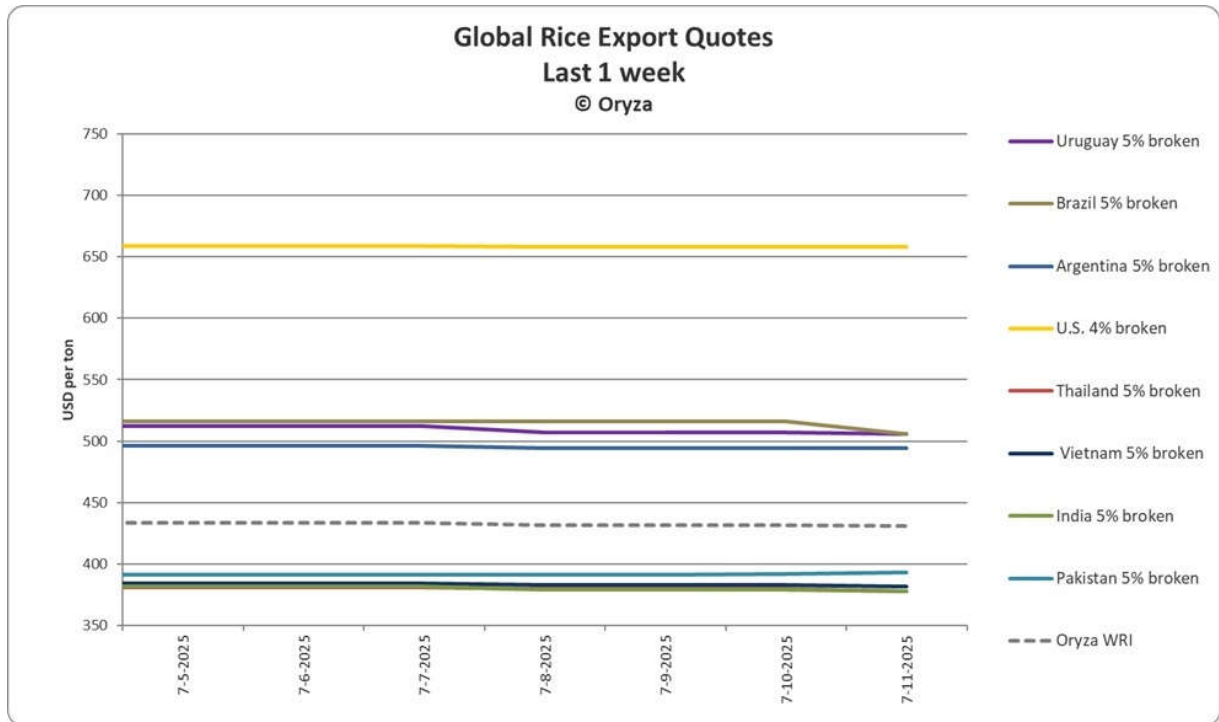
*Tổng quan thị trường:



Chỉ số gạo trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 431 USD/tấn, giảm 3 USD/tấn so với tuần trước, giảm 10 USD/tấn so với tháng trước và giảm 223 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Bản tin Cung Cầu Ngũ Cốc tháng 6 năm 2025 của FAO báo cáo những diễn biến tích cực trên thị trường gạo toàn cầu, với sản lượng dự báo đạt 555,6 triệu tấn - tăng 1% so với cùng kỳ năm trước - chủ yếu nhờ triển vọng mùa màng khả quan ở Ấn Độ, Bangladesh, Pakistan và Việt Nam. Tiêu thụ gạo toàn cầu dự kiến sẽ tăng 1,8% lên 550,4 triệu tấn, nhờ nhu cầu lương thực và công nghiệp thực phẩm tăng ở châu Á. Thương mại gạo dự kiến sẽ đạt mức kỷ lục 60,8 triệu tấn, tăng 2%, nhờ nhu cầu nhập khẩu mạnh mẽ từ châu Phi và khả năng xuất khẩu dồi dào hơn từ Ấn Độ, Pakistan và Miến Điện. Dự trữ cuối kỳ ước tính đạt 214,4 triệu tấn, giảm nhẹ tỷ lệ tồn kho/sử dụng nhưng được cân đối bởi lượng dự trữ cao hơn ở Ấn Độ và các quốc gia khác. Trong khi đó, giá gạo đang giảm, với Chỉ số Giá Ngũ Cốc của FAO giảm 1,5% so với tháng 5 và giảm 6,8% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh nguồn cung toàn cầu cải thiện và cạnh tranh xuất khẩu gia tăng.

Vào tháng 7 năm 2025, Cơ quan Lương Nông Liên hiệp quốc (FAO) đã báo cáo giá gạo toàn cầu giảm, với Chỉ số giá gạo toàn phần của FAO giảm 0,8% so với tháng 5 và giảm 22,8% so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu do giá gạo Indica, gạo Japonica và gạo nếp yếu hơn trong bối cảnh nhu cầu yếu từ các thị trường châu Á chủ chốt như Việt Nam, Trung Quốc và Philippines. Tuy nhiên, giá gạo thơm tăng nhẹ 0,7% do nguồn cung gạo Basmati khan hiếm ở Pakistan và xuất khẩu gạo Thái Lan mạnh. Hoạt động thương mại gạo khu vực châu Á vẫn trì trệ do chi phí vận chuyển cao, trong đó Việt Nam chứng kiến mức giảm giá mạnh nhất. Giá gạo ở Thái Lan giảm mặc dù đồng baht

mạnh, trong khi Ấn Độ và Pakistan duy trì giá ổn định nhờ nhu cầu từ châu Phi và lượng dự trữ thất chặt.

Philippines

Theo Cơ quan Thống kê Philippines, tính đến ngày 1 tháng 6 năm 2025, tổng lượng gạo dự trữ của Philippines đạt 2,239 triệu tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước từ mức 2,163 triệu tấn nhưng giảm 2,9% so với mức 2,307 triệu tấn được ghi nhận một tháng trước đó. Lượng gạo dự trữ này được phân phối ở các hộ gia đình (1,001 triệu tấn), các kho thương mại (814.390 tấn) và Cơ quan Lương thực Quốc gia NFA (423.660 tấn).

NFA dự kiến sẽ đấu giá một phần lượng gạo dự trữ vào tháng 8 để giảm bớt tình trạng quá tải tại các kho hàng, do các nỗ lực phân phối và mở rộng kho bãi hiện tại không theo kịp nguồn cung. Phiên đấu giá gạo dự trữ từ 3 đến 5 tháng sẽ được định giá dựa trên giá thị trường toàn cầu. Mặc dù có các chương trình như chương trình “BBM Na!” với giá 20 peso/kg, nhưng các chương trình này không đáp ứng được nhu cầu. Mặc dù đã có sự hợp tác tích cực giữa sáng kiến của các tổ chức, việc giải phóng hàng tồn kho vẫn diễn ra chậm chạp, khiến phiên đấu giá trở thành một bước đi quan trọng nhưng chưa chắc chắn trong việc quản lý lượng hàng tồn kho 437.000 tấn của NFA.

Chính phủ Philippines đã thông báo rằng mức thuế suất 15% đối với gạo nhập khẩu sẽ được duy trì ít nhất cho đến tháng 11, trong khi các quan chức tiếp tục xem xét tác động của mức thuế suất thấp hơn đối với lạm phát và sinh kế của nông dân địa phương, theo MSN. Thứ trưởng Chính sách và Kế hoạch thuộc Bộ Kinh tế, Kế hoạch và Phát triển (DEPDev) cho biết trong một cuộc họp báo hôm thứ Tư rằng một báo cáo chính thức về tác động của mức thuế suất thấp hơn sẽ được đệ trình lên Tổng thống trong bốn tháng tới. Cho đến lúc đó, mức thuế suất thấp hơn có thể sẽ được duy trì. Mức thuế suất thấp hơn đã được thực hiện thông qua Sắc lệnh Hành pháp số 62, có hiệu lực từ tháng 7 năm 2024, cắt giảm thuế nhập khẩu gạo từ 35% xuống 15% cho đến năm 2028. Sắc lệnh này cũng yêu cầu phải xem xét lại bốn tháng một lần để đánh giá hiệu quả và tác động tổng thể của nó.

Indonesia

Indonesia đã nâng mục tiêu sản lượng lúa năm 2026 lên 33,8 triệu tấn, tăng so với mục tiêu trước đó là 32 triệu tấn, phản ánh nỗ lực của chính phủ nhằm nâng cao năng suất nông nghiệp. Phát biểu tại một phiên họp quốc hội, Bộ trưởng Nông nghiệp Indonesia đã nhấn mạnh các biện pháp chiến lược như tối ưu hóa đất đai, mở rộng diện tích canh tác, sử dụng giống tốt hơn và phát triển nông nghiệp hạ nguồn để đạt được mục tiêu này. Việc điều chỉnh

này diễn ra sau khi sản lượng lúa gạo quốc gia tăng vọt gần đây, đạt mức cao nhất trong bảy năm và củng cố vị thế của Indonesia là nước sản xuất lúa gạo hàng đầu ASEAN.

Bangladesh

Bất chấp năng suất vụ Boro cao và lượng gạo nhập khẩu đạt 1,3 triệu tấn, giá gạo tại Bangladesh vẫn tiếp tục tăng, gây ảnh hưởng nặng nề nhất đến các gia đình có thu nhập thấp, theo Prothom Alo. Giá gạo thô hiện ở mức 55–65 Taka/kg và gạo ngon lên tới 85 Taka/kg, ngay cả khi giá gạo thế giới giảm. Các chuyên gia cho rằng nguyên nhân khiến giá gạo trong nước liên tục tăng là do thuế nhập khẩu cao, cạnh tranh hạn chế và sự thống trị thị trường của các thương nhân lớn. Họ kêu gọi bãi bỏ thuế nhập khẩu 67,5% và tạm thời nới lỏng các hạn chế nhập khẩu để ổn định giá cả và chống lạm phát, hiện vẫn ở mức trên 9%.

Châu Phi

Báo cáo GIEWS của FAO Liên Hợp Quốc về **Burundi** dự báo sản lượng ngũ cốc năm 2025 đạt 788.000 tấn, thấp hơn khoảng 5% so với mức trung bình 5 năm, chủ yếu là do lượng mưa thấp trong vụ mùa quan trọng 2025 mặc dù có vụ xuân thu hoạch bội thu năm 2025. Vụ mùa khô 2025 dự kiến sẽ ở mức trung bình. Năng suất gạo có thể phản ánh xu hướng chung của ngũ cốc. An ninh lương thực vẫn là mối quan ngại, với 1,2 triệu người gặp khủng hoảng (Giai đoạn 3 của Phân loại An ninh Lương thực Tích hợp IPC) vào đầu năm 2025, đặc biệt là ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ lụt ở Hồ Tanganyika, bao gồm 92.000 người phải di dời do biến đổi khí hậu và 104.000 người tị nạn.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo 5% tấm của Ấn Độ hiện được niêm yết ở mức khoảng 378 USD/tấn, giảm khoảng 4 USD/tấn so với tuần trước và giảm khoảng 5 USD/tấn so với tháng trước.

Theo Bloomberg và Bộ Nông nghiệp, tính đến ngày 4 tháng 7 năm 2025, nông dân Ấn Độ đã mở rộng đáng kể diện tích gieo trồng vụ Kharif, nhờ lượng mưa gió mùa cao hơn bình thường 15%. Đáng chú ý, diện tích trồng lúa Kharif đã tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, lên 6,93 triệu ha. Việc gieo trồng bắt đầu vào cuối tháng 5 và dự kiến thu hoạch vào cuối tháng 9, thời tiết thuận lợi đã làm dấy lên hy vọng về sản lượng ngũ cốc bội thu vào năm 2025,

có khả năng làm giảm bớt lo ngại về lạm phát lương thực và tình trạng thiếu hụt nguồn cung.

Chính phủ Ấn Độ đã công bố chính sách Chương trình Bán hàng Thị trường Mở (OMSS) cho năm tài chính 2025-2026, phân bổ 5,2 triệu tấn gạo cho sản xuất ethanol - tương đương với sản lượng của năm cung cấp ethanol hiện tại (tháng 11-tháng 10), theo The Hindu Business Line. Tuy nhiên, giá cố định gạo cung cấp cho các nhà máy chưng cất đã tăng từ 2.250 rupee (khoảng 26 USD Mỹ) lên 2.320 rupee (khoảng 27 USD Mỹ)/tạ, tăng 0,70 rupee/kg. Bộ Lương thực đã chỉ đạo sử dụng gạo cũ hoặc gạo tằm trong phạm vi khả thi cho sản xuất ethanol. Một loại gạo tằm mới, được sản xuất theo chương trình Chuyển đổi Xay xát Gạo, đã được đưa vào sử dụng cho các nhà máy chưng cất và sẽ được bán cho các bên tư nhân thông qua đấu giá điện tử với giá khởi điểm là 2.320 rupee/tạ (khoảng 27 USD Mỹ) kể từ ngày 1 tháng 11.

Các bang sản xuất lúa gạo chính của Ấn Độ như Bihar, Andhra Pradesh và Assam đã có lượng mưa dưới mức bình thường trong mùa gió mùa hiện tại, theo tường thuật của Zee Business, trích dẫn báo cáo của CareEdge Ratings. Các bang này, vốn đóng góp khoảng 15% sản lượng gạo vụ Kharif của Ấn Độ năm ngoái, đã bị thiếu hụt mưa kể từ đầu mùa. Báo cáo lưu ý rằng 15 trong số 36 phân khu khí tượng - bao phủ 43% diện tích Ấn Độ - có lượng mưa bình thường, trong khi 7 phân khu (13%) ghi nhận lượng mưa thấp. Các phân khu còn lại có lượng mưa dư thừa hoặc dư thừa nhiều, cho thấy sự phân bố gió mùa không đồng đều. Mặc dù thiếu hụt ở các vành đai lúa Đông và Nam, gió mùa nhìn chung đã được cải thiện, với lượng mưa tích lũy của Ấn Độ cao hơn 15% so với Trung bình Dài hạn (LPA) tính đến ngày 7 tháng 7 năm 2025. Sự cải thiện này diễn ra sau khi bắt đầu sớm, sau đó là một khoảng lặng vào giữa tháng 6 và phục hồi mạnh mẽ vào cuối tháng 6.

Chính phủ Ấn Độ đang xem xét đề xuất mở rộng quy mô bán gạo tằm từ kho dự trữ nhà nước nhằm giảm lượng gạo tồn kho đang tăng và tăng nguồn cung cho xuất khẩu và sản xuất ethanol. Động thái này diễn ra sau một chương trình thí điểm được khởi xướng vào đầu năm nay nhằm giảm tỷ lệ gạo tằm trong gạo được phân phối thông qua chương trình lương thực công cộng của Ấn Độ từ 25% xuống còn 10%. Lượng gạo tằm dư thừa đã được chuyển hướng cho các mục đích sử dụng công nghiệp, đặc biệt là sản xuất ethanol. Với lượng gạo dự trữ đạt mức cao nhất trong hai thập kỷ và dự kiến một vụ thu hoạch kỷ lục nữa, Tổng Công ty Lương thực Ấn Độ (FCI) đang chịu áp lực phải giải phóng không gian lưu trữ. Tính đến tháng trước, lượng gạo dự trữ của Ấn Độ đã đạt gần 38 triệu tấn, bên cạnh hơn 32 triệu tấn lúa.

Thái Lan

Giá gạo 5% tám của Thái Lan hiện được niêm yết ở mức khoảng 378 USD Mỹ/tấn, giảm khoảng 3 USD Mỹ/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 22 USD Mỹ/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 202 USD Mỹ/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Thái Lan vẫn lạc quan về việc tránh mức thuế quan 36% của Mỹ bằng cách đề nghị giảm thuế nhập khẩu đối với 90% hàng hóa Mỹ xuống 0%, nhằm mục đích giảm 70% thặng dư thương mại 46 tỷ USD Mỹ và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường cho các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp và năng lượng của Mỹ, bao gồm cả máy bay Boeing. Mặc dù quyết định áp thuế của Tổng thống Trump không tính đến đề xuất gần đây của Bangkok, các quan chức Thái Lan hy vọng sẽ hoàn tất các cuộc đàm phán trước hạn chót ngày 1 tháng 8. Bộ trưởng Tài chính chỉ trích mức thuế này là quá sớm, cảnh báo rằng nó có thể làm giảm ít nhất một điểm phần trăm tăng trưởng GDP và đẩy nền kinh tế vốn mong manh, đang gánh nặng nợ nần này đến bờ vực suy thoái. Với xuất khẩu sang Mỹ chiếm 18% tổng kim ngạch xuất khẩu của Thái Lan, các nhà phân tích cảnh báo về việc đóng cửa nhà máy và mất việc làm nếu không đạt được thỏa thuận. Thái Lan đang thúc đẩy mức thuế quan thấp hơn mức 20% của Việt Nam để duy trì khả năng cạnh tranh và khẳng định vẫn có thể đạt được giải pháp.

Miền Điện

Liên đoàn Lúa Gạo Miền Điện (MRF) đã công bố kế hoạch áp dụng năng lượng mặt trời tại các nhà máy xay xát gạo xuất khẩu, nhằm thúc đẩy tính bền vững và hỗ trợ sáng kiến không phát thải ròng của đất nước, theo Tân Hoa Xã. Chủ tịch MRF tuyên bố rằng việc chuyển đổi sang vận hành bằng năng lượng mặt trời không chỉ giảm sự phụ thuộc vào điện truyền thống mà còn thúc đẩy sản xuất lúa gạo sạch và thân thiện với môi trường. Sáng kiến này không chỉ dừng lại ở xay xát, mà còn được triển khai để cung cấp năng lượng cho các hoạt động nông nghiệp đầu nguồn, bao gồm tưới tiêu và quản lý nước, giúp nông dân tiếp cận nguồn năng lượng tái tạo giá cả phải chăng. Là một bước tiến lớn, MRF đã ký biên bản ghi nhớ (MoU) với 17 công ty năng lượng mặt trời để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi này.

Pakistan

Gạo 5% tám Pakistan hiện được chào bán ở mức khoảng 393 USD/tấn, tăng khoảng 2 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 1 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 199 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	07 – 07	08 – 07	09 – 07	10 – 07	11 – 07
Trung Quốc (CNY/USD)	7.17	7.17	7.18	7.18	7.17
Châu Âu (EUR/USD)	0.85	0.85	0.85	0.86	0.85
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	16258.26	16261.23	16253.12	16233.25	16214.59
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4.23	4.24	4.25	4.25	4.25
Philippines Peso (PHP/USD)	56.56	56.62	56.60	56.53	56.49
Hàn Quốc (KRW/USD)	1369.70	1372.44	1375.31	1373.48	1375.62
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	145.87	146.82	146.54	146.46	147.30
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	85.80	85.76	85.71	85.73	85.82
Miến Điện (MMK/USD)	2099.21	2099.51	2099.55	2098.91	2099.37
Pakistan Rupees (PKR/USD)	284.04	284.23	284.32	284.49	284.44
Thái Lan Baht (THB/USD)	32.55	32.61	32.68	32.65	32.39
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26143.83	26050.11	26141.80	26115.67	26116.10

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

*** Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 14/07/2025, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

+ Vụ Hè Thu 2025 đã xuống giống được 1,470 triệu ha, diện tích thu hoạch được khoảng 467 ngàn ha, với năng suất 61,7 tạ/ha, sản lượng ước đạt 2,881 triệu tấn lúa.

+ Vụ Thu Đông đã xuống giống được 302 ngàn ha/650 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 46%.

II. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/07 – 07/07/2025 có 26 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Tho xếp hàng với số lượng dự kiến 160.050 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Star 58	HCM	24/06/2025	3.500	Malaysia
2	F.Spint	HCM	27/06/2025	45.000	Châu Phi

Bản tin 1513 (Từ Ngày 08/07/2025 Đến Ngày 14/07/2025)

3	Hòa Bình 54	HCM	27/06/2025	3.500	Malaysia
4	Star 55	HCM	27/06/2025	7.300	Philippines
5	Ocean Bright	HCM	28/06/2025	6.800	Philippines
6	Phúc Thuận 89	Mỹ Thời	28/06/2025	2.950	Philippines
7	Imabari Queen	HCM	29/06/2025	52.000	Châu Phi
8	Phú An 368	HCM	30/06/2025	4.750	Philippines
9	Hải Âu 28	HCM	01/07/2025	2.800	Philippines
10	Tân An Advance	HCM	01/07/2025	6.500	Philippines
11	Vega	HCM	01/07/2025	45.000	Châu Phi
12	Đại Thắng 189	HCM	03/07/2025	2.800	Philippines
13	Tân An Dynamic	HCM	03/07/2025	6.800	Philippines
14	Thái Bình 39	HCM	03/07/2025	4.750	Philippines
15	New Xa La	HCM	04/07/2025	4.100	Philippines
16	Sea Dragon 9999	HCM	05/07/2025	4.900	Malaysia
17	Mekong	HCM	06/07/2025	4.100	Philippines
18	TTC An Bình	HCM	06/07/2025	4.000	Philippines
19	An Thịnh Phú 08	HCM	07/07/2025	6.300	Philippines
20	Hải Âu 58	HCM	07/07/2025	3.800	Philippines
21	Phú An 288	HCM	07/07/2025	3.800	Malaysia
22	Phú An 369	HCM	07/07/2025	4.700	Philippines
23	Royal 16	HCM	07/07/2025	5.000	Philippines
24	Star 16	HCM	07/07/2025	5.600	Philippines
25	Vinh Quang Sun	HCM	08/07/2025	2.800	Philippines
26	Phượng Nam 1	HCM	09/07/2025	6.500	Philippines
27	Kiến Hưng	HCM	11/07/2025	3.400	Philippines
28	Mekong Star	Mỹ Thời	11/07/2025	3.000	Philippines
29	Brother 39	HCM	12/07/2025	4.900	Philippines
30	Viễn Đông 09	HCM	12/07/2025	6.000	Philippines
31	Tân An Endeavor	HCM	13/07/2025	4.850	Philippines
32	Green Atlantic	Mỹ Thời	14/07/2025	4.000	Philippines
33	Green Sky	HCM	14/07/2025	4.850	Malaysia
34	Maxan 8	HCM	14/07/2025	4.800	Philippines
Tổng				285.800	

III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	10/07	+/-	10/07	+/-	10/07	+/-	10/07	+/-	10/07	+/-	10/07	+/-	10/07	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	5.250	-100	5.750	+100	5.850	-100	5.750	-	5.750	-100	6.150	-	6.150	-	6.150	5.807
Lúa thường	5.050	-	5.250	+100	5.250	-200	5.250	-100	5.450	-	5.450	-	5.250	-100	5.450	5.279
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	6.650	-100	7.050	+100	7.200	-100	7.350	-100	7.100	-			7.650	-	7.650	7.167
Lúa thường	6.450	-100	6.450	+100	6.300	-250	6.600	-50	6.650	-			6.450	-100	6.650	6.483
Gao Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	7.950	-300	9.300	+100	9.350	+100	9.250	-50	9.350	-			9.650	-	9.650	9.142
Lứt loại 2	7.850	-300	7.750	-350	7.850	-325	7.650	-510	7.850	-400	8.150	-100	7.850	-200	8.150	7.850
Xát trắng loại 1			10.650	+50			10.350	-	10.350	-	10.950	-	10.950	-	10.950	10.650
Xát trắng loại 2			8.850	-100			8.850	-100	9.050	-	9.050	-	8.850	-100	9.050	8.930
Phu Phẩm																
Tám 1/2	7.550	-	7.600	+100	7.700	+350	7.150	-100	7.550	-	7.700	+150	7.350	-	7.700	7.514
Tám 2/3			7.500	+100	7.175	-175			7.250	-			6.750	-	7.500	7.169
Tám 3/4	7.050	-	7.250	-50	7.150	-25	7.050	-150							7.250	7.125
Cám xát	7.350	-	7.750	-300	7.150	-700	7.550	-300	7.600	-350	7.950	-100	7.950	-100	7.950	7.614
Cám lau	7.350	-	7.650	-300	7.600	-250	7.550	-300	7.600	-350	8.050	-100	8.050	-100	8.050	7.693
Gao TPXK Không Bao Tại Man																
5%	9.200	-650	9.200	-150	9.000	-400	9.450	-100	10.200	-	10.200	-	9.450	-50	10.200	9.529
10%			9.100	-150					10.000	-					10.000	9.550
15%	9.000	-650	9.000	-150	8.800	-400	9.150	-100	9.800	-	9.800	-	9.150	-100	9.800	9.243
20%									9.500	-					9.500	9.500
25%	8.800	-650	8.400	-150	8.600	-400	8.950	-100	9.200	-	9.450	-	8.850	-100	9.450	8.893
